

THÔNG BÁO

Kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tài sản đấu giá:

1.1. Nhà xưởng sản xuất đã qua sử dụng (theo hồ sơ thể chấp đây là nhà xưởng sản xuất số 1, 2, 3 liền nhau, không tách rời): Hiện trạng: Có kết cấu khung thép, mái lợp tôn, tường bao phía dưới xây gạch chỉ cao 3,15m x dài 332,01m, phía trên thung tôn, trong nhà xưởng có các ô tường bằng tôn (09 khoang), tổng chiều dài 45,22m; tổng diện tích xây dựng là 7.814,4m², được giới hạn bởi các chỉ số 15 đến 46, 15. Nhà xưởng sắt thép đã rỉ, cũ hỏng, xuống cấp. Xây dựng năm 2009.

- Trên nhà xưởng có mái vẩy bằng tôn, khung thép, có tường bao cao 3,15m x dài 123,83m, tổng diện tích mái vẩy là 425,7m², được giới hạn bởi các chỉ số 15, 53, 54, 57, 58, 61, 62, 15. Mái tôn đã cũ, rỉ, lâu ngày, xuống cấp. Xây dựng năm 2009.

- Trên tường nhà xưởng có mái vẩy bằng tôn, khung thép, không có tường bao, tổng diện tích xây dựng 531,5m², được giới hạn bởi các chỉ số 16 đến 30, 67 về 62, 16. Mái tôn đã cũ, rỉ, lâu ngày, xuống cấp. Xây dựng năm 2009.

- Nền bê tông, có 02 đường ray để đẩy xe goòng, dưới là hệ thống cống thoát nước mái nhà xưởng, chạy theo đường ray và 04 ống thoát nước bằng nhựa, đường kính khoảng 20cm. Xây dựng năm 2009.

- Trong nhà xưởng có các dây cáp đồng nối từ các trạm biến áp vào nhà xưởng. Các dây cáp lâu không sử dụng, cũ.

1.2. 01 nhà 02 tầng (nhà điều hành): Tường xây 20, có trát, có sơn, nền lát gạch men, mái tầng 1 đổ bê tông, cốt thép, mái tầng 2 lợp tôn, cầu thang ngoài trời

bằng sắt, cửa ra vào là cửa nhôm kính, tổng diện tích xây dựng 71,8m². Không sử dụng, cũ hỏng, sơn đã bong tróc, xuống cấp. Xây dựng năm 2009.

1.3. Nhà cấp 4 (nhà ăn): Tường xây 20, có trát, có sơn, mái lợp tôn, khung sắt, nền lát gạch men, có 02 cửa ra vào là cửa sắt, 03 cửa sổ là cửa sắt, tổng diện tích xây dựng 322,2m². Không sử dụng, cũ hỏng, sơn đã bong tróc, xuống cấp. Xây dựng năm 2009.

1.4. 04 trạm biến áp đã qua sử dụng, cũ, bỏ không, lâu không sử dụng, cụ thể:

- Trạm biến áp số 1: 1500KVA-35/22-0,4KV gồm có: Cầu dao, 01 bộ 3 pha, sứ đứng 15 quả; Cầu trì SI, 01 bộ 3 pha, TU 01 bộ 3 quả, TI 01 bộ 3 quả, máy biến áp 01 chiếc, cột ly tâm 02 cột 14m, CSV 01 bộ 3 quả.

- Trạm biến áp số 2: Thông số giống thông số trạm biến áp số 1 gồm: 1500KVA-35/22-0,4KV gồm có: Cầu dao, 01 bộ 3 pha, sứ đứng 15 quả; Cầu trì SI, 01 bộ 3 pha, TU 01 bộ 3 quả, TI 01 bộ 3 quả, máy biến áp 01 chiếc, cột ly tâm 02 cột 14m, CSV 01 bộ 3 quả.

- Trạm biến áp số 3: Thông số giống thông số trạm biến áp số 1 và trạm biến áp số 2. Tuy nhiên, trạm biến áp số 3 không có cầu trì 3 pha, có máy cắt trung thế 35KV, không có thanh cái đầu.

- Trạm biến áp số 4: Có 36 quả sứ 35KV, 6 cột ly tâm 14m; 01 bộ cầu dao 3 pha, 01 bộ cầu trì SI hỏng không có ống chì, 01 máy biến áp 320 KVA - 35 (22) - 0,4KV - không có thanh cái, 01 bộ sàn thao tác trạm biến áp, cáp ngầm...

Tài sản ngoài trạm biến áp có 02 cột ly tâm 14m, 12 quả sứ.

Vị trí cột nhánh rẽ, tổng số có 4 cột + 01 bộ cầu dao 3 pha (tại cột số 1 nhánh rẽ Vinaxuki). Sứ đứng 18 quả, dây cáp AC 70-95, chiều dài khoảng 100m².

Toàn bộ các thiết bị, hệ thống điện đã không vận hành, không sử dụng từ lâu.

1.5. 07 tủ biến tần của Trạm biến thế. Không sử dụng, cũ hỏng, xuống cấp. Lắp đặt năm 2009.

1.6. 01 tủ điện. Không sử dụng, cũ hỏng, xuống cấp. Lắp đặt năm 2009.

1.7. Tường rào xây gạch chỉ D220 kết hợp cột bê tông cốt thép, kích thước cao 2,54m x dài 540,25m = 1.372m², đã cũ, xuống cấp. Xây dựng năm 2009.

1.8. 01 cổng sắt kéo có chiều dài 4m, day trượt có diện tích 18,4m², đã han rỉ, cũ, xuống cấp.

1.9. 01 nhà bảo vệ 01 tầng: xây gạch chỉ D110, mái lợp tôn, tổng diện tích 6,0 m², đã cũ hỏng, bong tróc, xuống cấp. Xây dựng năm 2009.

1.10. 01 nhà 01 tầng (để tủ điện của trạm biến áp): tường xây 20, mái bê tông, cốt thép, diện tích xây dựng 17,8m², được giới hạn bởi các chỉ số 43, 44, 47, 48, 43. Không sử dụng, cũ hỏng, sơn đã bong tróc, xuống cấp. Xây dựng năm 2009.

1.11. 01 nhà 01 tầng (để tủ điện của trạm biến áp): tường xây 20, mái bê tông, cốt thép, diện tích xây dựng 36,5m², được giới hạn bởi các chỉ số 39, 40, 49, 50, 39. Không sử dụng, cũ hỏng, sơn đã bong tróc, xuống cấp. Xây dựng năm 2009.

1.12. 01 nhà 01 tầng (để tủ điện của trạm biến áp): tường xây 20, mái bê tông, cốt thép, diện tích xây dựng 18,5m², được giới hạn bởi các chỉ số 35, 36, 51, 52, 35. Không sử dụng, cũ hỏng, sơn đã bong tróc, xuống cấp. Xây dựng năm 2009.

1.13. Sân bê tông có tổng diện tích xây dựng 1.230,2m². Hiện trạng: nền sân đã cũ, hỏng, bong tróc, xuống cấp. Xây dựng năm 2009.

1.14. Nhà vệ sinh diện tích 7,2m², mái lợp tôn. Hiện trạng: Đã hỏng, xuống cấp, không sử dụng được. Xây dựng năm 2009.

1.15. Bể nước, tổng diện tích xây dựng 63,9m². Đã cũ, xuống cấp, bỏ không. Xây dựng năm 2009.

1.16. Nhà mái tôn: Mái tôn, khung sắt, xây quây tôn, tổng diện tích xây dựng 88,6m². Hiện trạng: Không sử dụng, cũ hỏng, sơn đã bong tróc, xuống cấp. Xây dựng năm 2009.

1.17. Nhà chứa máy: Mái tôn, khung sắt, tường xây 20, nền bê tông, diện tích 132,3m². Hiện trạng: Không sử dụng, cũ hỏng, sơn đã bong tróc, xuống cấp. Xây dựng năm 2009.

1.18. 01 hệ thống ống khói: Kết cấu khung thép hộp, có 01 ống khói hình tròn cao 8,0m, tình trạng xuống cấp, han rỉ, diện tích 25,0m². Hiện trạng: Đã cũ, xuống cấp, thép han rỉ.

1.19. 01 trạm điện, diện tích xây dựng 18,7m². Hiện trạng: Đã cũ, xuống cấp, không sử dụng.

1.20. Lò luyện trung tần dung, dung điện KPS - 3000- 0,5 (5T), hiện trạng tài sản đã cũ, đã qua sử dụng, hệ thống không hoạt động. Sản xuất khoảng năm 2011. Gồm:

- 01 tủ điều khiển, trên tem, nhãn (bằng tiếng nước ngoài) thể hiện thông số kỹ thuật: KGPS-3000-0,5 850V 3000KW 500hz 2009-09.

- 02 nồi nấu, thông số kỹ thuật:

+ Nồi nấu số 1: KGPS 3000KW 500Hz 5000kg 3200V 2009-10.

+ Nồi nấu số 2: KGPS 3000KW 500Hz 5000kg 3200V 2009-10.

Hệ thống làm mát của Lò luyện trung tần dung, dung điện KPS – 3000- 0,5 (5T), hiện trạng tài sản đã cũ, hệ thống không hoạt động.

Gồm 02 dàn:

+ Dàn 1: FBN (H) - 50T 4,5kw 50m³/h SWL10022501 2010-06.

+ Dàn 2: FBN (H) - 150T 16kw 150m³/h SWL10022502 2010-06.

1.21. 04 sàn đựng phế liệu, khung thép, mặt sàn bằng thép, có cầu thang bằng sắt đi lên sàn, diện tích khoảng 70m²/01 sàn. Hiện trạng: Khung thép đã han rỉ, xuống cấp, cũ hỏng, xây dựng năm 2009.

1.22. 01 khung sắt để đồ, cao 2m, khung rộng khoảng 20m. Hiện trạng: Khung sắt đã han rỉ, xuống cấp, cũ hỏng.

Các hạng mục công trình trên đã ngừng hoạt động từ năm 2014, cũ, xuống cấp và tọa lạc tại Khu B - KCN Nam Phổ Yên, xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (nay là Khu B - KCN Nam Phổ Yên, phường Trung Thành, tỉnh Thái Nguyên).

(Chi tiết theo Biên bản về việc kê biên, xử lý tài sản ngày 30/12/2025 của Chấp hành viên Phòng THADS Khu vực 2, tỉnh Thái Nguyên).

2. Giá khởi điểm: 4.855.053.000đ (Bốn tỷ tám trăm năm mươi lăm triệu không trăm năm mươi ba nghìn đồng).

3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn: Công ty đấu giá Hợp danh Quốc gia.

Tổng số điểm: 99 điểm.

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): không có.

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): không có.

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM

TT	NỘI DUNG	Công ty đấu giá Hợp danh Quốc gia	Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản - Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0	2,0

4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả	16,0	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	56,0	55,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)	15,0	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá		
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá		
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá		
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề	7,0	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)		
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành		
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành		
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0	7,0

3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề	7,0	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)		
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc		
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc		
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên	3,0	2,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất	3,0	
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề		2,0
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo		
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động	7,0	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 5 năm		
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm		
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm		
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	4,0	3,0
6.1	01 đấu giá viên		
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên		3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0	
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp đấu giá tư nhân	4,0	4,0
7.1	Dưới 05 năm		
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm		
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề	5,0	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên		

8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên		
8.3	Có từ 04 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, trừ thuế giá trị gia tăng	4,0	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng		
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0	
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên		5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0	8,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá	4,0	4,0
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	4,0	4,0
	Tổng	99	98

Chấp hành viên Phòng THADS Khu vực 2, tỉnh Thái Nguyên thông báo đề tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn biết và thực hiện việc ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định./.

Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử THADS tỉnh;
- Cổng TTĐT Cục QLTHADS-Bộ Tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về ĐGTS;
- Đương sự;
- Viện KSND tỉnh Thái Nguyên;
- Viện KSND khu vực 2, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Lê Thị Luyến